

Bản án số: 75/2021/DS-PT
Ngày 13 - 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn;
Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **86/2021/TLPT-DS** ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 115/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nhan Thị Kiều L**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp P (nay là ấp P), xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2020, các chứng cứ có trong hồ sơ và cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nhan Thị Kiều L trình bày ý kiến:*

Vào ngày 18/10/2020, bà có cho bà Trần Thị L vay số tiền 440.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,3%/ngày, thời hạn cho vay là 03 ngày, khi vay bà L

nói để lấy tiền cho người khác vay lại. Do chỗ quen biết, làm ăn lâu năm tin tưởng nên khi cho bà L vay tiền không làm biên nhận vay tiền, nhưng đến thời hạn thỏa thuận trả tiền vốn và lãi thì bà L không trả và cho rằng bị người khác vay tiền bỏ trốn, không có khả năng trả lại số tiền vốn và lãi vay cho bà.

Nay bà Nhan Thị Kiều L khởi kiện bà Trần Thị L ra Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu xem xét, giải quyết buộc bà L thanh toán số tiền 440.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi là 01%/tháng tính từ ngày 18/10/2020 cho đến khi trả xong số tiền vay.

** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2020 tại Tòa án, các chứng cứ có trong hồ sơ và cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị L trình bày ý kiến:* Vào ngày 05/9/2020 âm lịch (nhằm ngày 18/10/2020 dương lịch), bà có vay của bà Nhan Thị Kiều L số tiền 440.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,3%/ngày, thời hạn cho vay là 03 ngày, mục đích vay để lấy tiền cho người khác vay lại, nhưng bà bị bà Phương Hồng H cùng ở địa phương vay tiền rồi bỏ trốn khỏi địa phương nên bà không có khả năng trả số tiền vốn vay và lãi cho bà Kiều L. Vì vậy, bà xin trả dần số tiền vốn vay cho bà Kiều L theo phương thức mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến xong khoản tiền nợ, còn tiền lãi bà xin không thanh toán vì không còn khả năng trả.

** Tại bản án sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:* Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nhan Thị Kiều L đối với bị đơn bà Trần Thị L về việc yêu cầu thanh toán số tiền vốn và lãi suất vay.

2. Buộc bị đơn bà Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nhan Thị Kiều L số tiền vốn và lãi suất tiền vay tổng cộng là 466.840.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Trong đó, tiền vốn vay là 440.000.000 đồng, tiền lãi là 26.840.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

** Ngày 29/4/2021, bị đơn bà Trần Thị L có đơn kháng cáo với nội dung:*

1. Bà xin không trả lãi nữa, vì bà đã trả lãi 0,3% nhiều lần rồi.
2. Bà xin trả vốn nhiều lần, vì hiện nay gia đình bà đang gặp khó khăn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nhan Thị Kiều L không rút đơn khởi kiện; bị đơn bà Trần Thị L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.*

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L và áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L là đúng theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

Về nội dung vụ án:

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 05/9/2020 âm lịch (nhằm ngày 18/10/2020 dương lịch), bà L có vay của bà Kiều L số tiền 440.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,3%/ngày, thời hạn cho vay là 03 ngày, mục đích vay để lấy tiền cho người khác vay lại. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bà L về việc:

[3.1] Bà xin không trả lãi nữa, vì bà đã trả lãi 0,3%/ngày nhiều lần rồi. Thấy rằng, bà L cho rằng bà đã trả lãi 0,3%/ngày (tức 9%/tháng) cho bà Kiều L nhiều lần và phía bà Kiều L không thừa nhận có nhận lãi, nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà đã trả cho bà Kiều L lãi nhiều lần với mức lãi suất như trên. Tại tòa, bà Kiều L không đồng ý cho lãi và chỉ yêu cầu bà L trả lãi 01%/tháng là thấp hơn so với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận tính lãi với mức 01%/tháng là có lợi cho bà L, nên kháng cáo của bà L không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Bà xin trả vốn nhiều lần, vì hiện bà đang gặp khó khăn. Thấy rằng, bà L xin trả vốn nhiều lần vì hiện nay đang gặp khó khăn và phía bà Kiều L không đồng ý. Vấn đề này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án, nên kháng cáo của bà L phần này không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích ở các mục [3.1] và [3.2], Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà L và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L là người kháng cáo không được chấp nhận, bà cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 312 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nhan Thị Kiều L đối với bị đơn bà Trần Thị L về việc yêu cầu thanh toán số tiền vốn và lãi suất vay.

2. Buộc bị đơn bà Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nhan Thị Kiều L số tiền vốn và lãi suất tiền vay tổng cộng là 466.840.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Trong đó, tiền vốn vay là 440.000.000 đồng, tiền lãi là 26.840.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn bà Nhan Thị Kiều L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn bà Trần Thị L chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị L được miễn nộp 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm, còn lại 50% số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là 11.336.800 đồng.

Nguyên đơn bà Nhan Thị Kiều L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 10.800.000 đồng theo biên lai thu số 0005326 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008673 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện C (01);
- Chi cục THADS huyện C (01);
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Phụng